TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM** Bản án số: 08/2022/DS-ST Ngày: 12-4-2022 V/v tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Brứk và ông Đặng Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Tầng N, Tòa nhà T, số M, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Văn M; chức vụ: Phó trưởng phòng hỗ trợ hoạt động, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1990 và anh Lê Đông H1, sinh năm 1988 (Đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Vinh Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng) là ông Dương Văn M trình bày.

Vào ngày 09/8/2019, Ngân hàng TMCP B và chị Phan Thị Mỹ H, anh Lê Đông H1 ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD6402019783 để vay số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày 09/8/2019 đến ngày 09/8/2022. Lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng

150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Trong quá trình vay, chị H và anh H1 đã trả được cho Ngân hàng 15.279.000 đồng tiền gốc. Đến tháng tháng 8/2020 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, nên ngày 04/8/2020 Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và nhiều lần liên hệ, đôn đốc trả tiền, tuy nhiên, anh H1 và chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Kon Tum số tiền tính đến ngày 12/4/2022 tổng cộng 45.016.239 đồng. Trong đó, tiền gốc là 34.721.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.321.370 đồng, tiền lãi chậm trả gốc là 4.973.869 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi chị H, anh H1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Về án phí: Yêu cầu bị đơn phải chịu.

Đối với bị đơn chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị H và anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến, không có yêu cầu phản tố trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật quy định. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Đối với bị đơn chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B. Buộc chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum số tiền tổng cộng là 45.016.239 đồng. Trong đó, 34.721.000 đồng tiền gốc, 5.321.370 đồng tiền lãi quá hạn, 4.973.869 đồng tiền lãi chậm trả gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi chị H, anh H1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi mà Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tuc tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD6402019783 ngày 09/8/2019, chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 có vay Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn cho vay là 36 tháng (kể từ ngày 09/8/2019 cho đến ngày 09/8/2022), lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả 01 tháng/kỳ, trả góp trong 36 tháng, 35 tháng đầu trả đều hàng tháng 1.389.000 đồng/kỳ, tháng cuối trả 1.385.000 đồng/kỳ, trả ngày 25 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng, tính trên dư nợ thực tế là hợp đồng hợp pháp, được các bên ký kết trực tiếp, theo sự tự nguyện.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 đã trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum số tiền gốc 15.279.000 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền gốc (tính đến ngày 12/4/2022) là 34.721.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở trả tiền nhưng chị H, anh H1 không thực hiện. Do đó, ngày 04/8/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, đồng thời khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H1 và chị H phải trả cho ngân hàng 45.016.239 đồng. Trong đó, tiền gốc là 34.721.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 5.321.370 đồng, tiền lãi chậm trả gốc là 4.973.869 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến khi chị H, anh H1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi mà Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn chị H và anh H1 tham gia tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng anh H1 và chị H tham gia tố tụng, không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, từ bỏ quyền của mình. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án, chị H và anh H1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình.

Qua phần tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng, chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, 357, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là đúng pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên bị đơn chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP Bt, đơn đề ngày 13/10/2021.

- Buộc chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Kon Tum số tiền tổng cộng là 45.016.239 đồng. Trong đó, 34.721.000 đồng tiền gốc, 5.321.370 đồng tiền lãi quá hạn, 4.973.869 đồng tiền lãi chậm trả gốc.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu thi hành án, chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 12/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Phan Thị Mỹ H và anh Lê Đông H1 phải chịu 2.250.811đồng *(Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn, tám trăm mười một đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 1.037.000 đồng *(Một triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000375 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/4/2022), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung